TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn T-Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mười và ông Tô Sỹ Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Htham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 85/2018TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1966-Có mặt.

Địa chỉ: thôn An Nhuế, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1979-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đoàn Đào, xã ĐĐ, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bầy:

Ông Nguyễn Mạnh T và bà Phạm Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh H ngày 02/12/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng năm tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính nết, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Đến ngày 12/4/2017, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Ông T đến tìm nhiều lần nhưng bà Th không về. Vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa

giải cho hai vợ chồng nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Vì vậy ông T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Ông T trình bầy vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T trình bầy vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông T trình bầy vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức, ruộng cấy: Ông T trình bầy không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông T không còn yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ bà Th cung cấp: Bà Th, ông T kết hôn năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng xảy ra đánh cãi, chửi nhau nhiều lần. Bà Th đã về ở gia đình bà C rồi đi làm ăn ở Miền Nam. Mâu thuẫn của vợ chồng ông T, bà Th đã được bà C phân tích nhiều lần nhưng không có kết quả gì. Bà Th đã biết ông T xin ly hôn và những lần Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng quan điểm của bà Th là đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Theo bà Cao thì bà Th, ông T chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ, công sức bà Th, ông T cũng không có gì.

Nay ông T xin ly hôn quan điểm của bà Cao là đề nghị Tòa án tùy vào nguyện vọng của ông T để giải quyết.

Công an xã ĐĐ, huyện P, tỉnh H cung cấp: Bà Th đăng ký hộ khẩu ở xã ĐĐ, huyện P, tỉnh H. Năm 2016, bà Th kết hôn với ông Nguyễn Mạnh T sau đó về ở với chồng. Do khi bà Th đi khỏi địa phương không thông báo với chính quyền địa phương nên không biết hiện nay bà Th ở đâu.

Tại phiên tòa: Ông T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông T trình bầy vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T trình bầy vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông T trình bầy vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức, ruộng cấy: Ông T trình bầy không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông T không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bà Th thông qua người thân trong gia đình, chính quyền địa phương và niêm yết tại nơi bà Th đang ở nhưng bà Th cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng các quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho ông T được ly hôn bà Th.

Về con chung, về tài sản, nợ, công sức, ruộng cấy: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Th nhiều lần để lấy lời khai, cung cấp chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà Th đều cố tình vắng mặt. Bà Th đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng bà Th vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh T và bà Phạm Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Hngày 02/12/2016. Do vậy quan hệ hôn nhân của ông T, bà Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng năm tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính nết, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Đến ngày 12/4/2017, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Ông T đến tìm nhiều lần nhưng bà Th không về. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải cho hai vợ chồng nhưng vẫn

không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Bà Th nhiều lần được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng bà Th vẫn cố tình vắng mặt cũng phần nào thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T, bà Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu vì vậy cần giải quyết cho ông T ly hôn bà Th để các bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Căn cứ lời khai của ông T, của bà Cao là mẹ bà Th thì ông T, bà Th không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tài sản chung: Ông T trình bầy vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về nợ chung, công sức, ruộng cấy: Ông T khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng cấy. Nếu sau này bà Th có đơn yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chồng, công sức, ruộng cấy thì có quyền yêu cầu bằng vụ việc khác.

[6]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Mạnh T ly hôn bà Phạm Thị Th.

Về con chung: Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Ông T trình bầy vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung, công sức, ruộng cấy: Ông T khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà Th vắng mặt, chưa có quan điểm cụ thể về con chung, tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy nên nếu sau này bà Th có yêu cầu về những vấn đề nêu trên, thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005662 ngày 24/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H, ông T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H;
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn T